TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN LÃO** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2023/HNGĐ-ST
Ngày 06-3-2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Tuấn Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Vĩnh;

Ông Nguyễn Văn Thắng.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Gấm - Thư ký Toà án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa*:** Ông Phan Xuân Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 98/2022/TLST- HNGĐ, ngày 10 tháng 10 năm 2022 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 114/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 173/2023/QĐST-DS, ngày 28 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Vũ Thị T, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đ, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng; hiện trú tại: Thôn P, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng, vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn*: Anh Phạm Văn T, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đ, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng; hiện trú tại: Thôn N, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng, vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 5 năm 2022 và các bản tự khai của nguyên đơn chị Vũ Thị T trình bày:

Chị và anh Phạm Văn T kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng ngày 06 tháng 5 năm 2013. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại thôn Đ, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống, vợ chồng hoà thuận đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính cách, lối sống không phù hợp nhau, anh T không tu chí làm ăn, không quan tâm đến gia đình từ đó dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã. Chị T nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh T không thay đổi mà còn đánh chửi, xúc phạm chị. Chị T bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn P, xã T, huyện A, Hải Phòng, anh T vẫn đến chửi bới chị. Vợ chồng ly thân từ năm 2019 đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa. Chị T xác định không còn tình cảm với anh T nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Phạm Văn T. Về con chung: chị T và anh T có 02 con chung là Phạm Duy H, sinh ngày 15 tháng 8 năm 2013 và Phạm Đức T, sinh ngày 14 tháng 8 năm 2015. Ly hôn chị T đề nghị được nuôi con Phạm Duy H, anh T nuôi con Phạm Đức T. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Về tài sản chung: chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Phạm Văn T đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh không đến tòa án để giải quyết việc chị Vũ Thị T xin ly hôn và nuôi con nên không có lời khai của anh Phạm Văn T.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chị Vũ Thị T đã cơ bản tuân thủ đúng các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Phạm Văn T không tuân thủ các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử cho chị Vũ Thị T được ly hôn anh Phạm Văn T; về con chung: Giao con Phạm Duy H, sinh ngày 15 tháng 8 năm 2013 cho chị Vũ Thị T nuôi dưỡng; giao con Phạm Đức T, sinh ngày 14 tháng 8 năm 2015 cho anh Phạm Văn T nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử không

xem xét; về án phí: Chị Vũ Thị T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Vũ Thị T có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con đối với anh Phạm Văn T. Anh Phạm Văn T, địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

[2] Nguyên đơn chị Vũ Thị T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Phạm Văn T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Vũ Thị T và anh Phạm Văn T.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị T và anh Phạm Văn T kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng ngày 06 tháng 5 năm 2013 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh, chị chung sống hoà thuận đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính cách, lối sống không phù hợp nhau, anh T không tu chí làm ăn, không quan tâm đến gia đình. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2019 đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa. Địa phương và gia đình cũng xác nhận tình trạng mâu thuẫn giữa anh, chị đã trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc chị T có đơn xin ly hôn anh T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị Vũ Thị T và anh Phạm Văn T có 02 con chung là Phạm Duy H, sinh ngày 15 tháng 8 năm 2013 và Phạm Đức T, sinh ngày 14 tháng 8 năm 2015. Ly hôn chị T đề nghị được nuôi con Phạm Duy H, anh T nuôi con Phạm Đức T. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Anh Phạm Văn T đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh không đến tòa án nên không có ý kiến về vấn đề con chung. Xét, cháu H và cháu T đều đã trên 7 tuổi, cháu H có ý kiến được ở với chị T, cháu T có ý kiến được ở với anh T. Do đó, căn cứ Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao con Phạm Duy H cho chị T nuôi dưỡng; giao con Phạm Đức T cho anh T nuôi dưỡng là phù hợp. Chị T, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

[5] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Vũ Thị T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147; Điều 235 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 19, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chị Vũ Thị T được ly hôn anh Phạm Văn T.

2. Về con chung: Giao con Phạm Duy H, sinh ngày 15 tháng 8 năm 2013 cho chị Vũ Thị T nuôi dưỡng; giao con Phạm Đức T, sinh ngày 14 tháng 8 năm 2015 cho anh Phạm Văn T nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Vũ Thị T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Vũ Thị T đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001301 ngày 04 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Lão, thành phố Hải Phòng. Chị Vũ Thị T đã nộp đủ án phí.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Chị Vũ Thị T và anh Phạm Văn T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự

Nơi nhận:
- TAND TP.Hải Phòng;
- VKSND huyện An Lão;
- Chi cục THADS huyện An Lão;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu: Hồ sơ; HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tuấn Anh